

Số: **46** /QĐ-TTGDQPAN

Bình Định, ngày **26** tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận kết quả học tập chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh khóa 45 năm học 2024-2025, cho sinh viên của Trường Đại học Quy Nhơn

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

Căn cứ Quyết định số 1047/QĐ-BGDĐT, ngày 26 /3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh Trường Đại học Quy Nhơn;

Căn cứ Quyết định số 2861/QĐ-BQP, ngày 24/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc điều chỉnh, bổ sung danh sách liên kết giáo dục quốc phòng và an ninh;

Căn cứ Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT, ngày 18/3/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 18/2015/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH, ngày 08/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động – Thương Binh và Xã hội Quy định tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 63/QĐ-TTGDQPAN, ngày 12/6/2024 của Giám đốc Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh Trường Đại học Quy Nhơn ban hành Quy định tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh;

Căn cứ kết luận của Chủ tịch Hội đồng xét công nhận kết quả học tập môn học, cấp Chứng chỉ giáo dục quốc phòng và an ninh cho sinh viên Khóa 45, tại phiên họp ngày 26/3/2025.

Theo đề nghị của Trường Phòng Đào tạo & Quản lý sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả học tập chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh khóa 45 năm học 2024-2025, cho 496 sinh viên của Trường Đại học Quy Nhơn (có tên trong danh sách kèm theo).

Điều 2. Ông (bà) Trường Phòng Đào tạo & Quản lý sinh viên, các đơn vị có liên quan và sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Đăng website;
- Lưu: VT, PĐTQLSV.

GIÁM ĐỐC



PGS.TS. Đoàn Đức Tùng

DANH SÁCH XÉT KẾT QUẢ HỌC TẬP CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

KHÓA 45; NĂM HỌC 2024-2025

TRƯỜNG LIÊN KẾT: TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

HP 1: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam (03 tín chỉ_MHP 115001); HP 2: Công tác quốc phòng và an ninh (02 tín chỉ_MHP 115002);

HP 3: Quân sự chung (02 tín chỉ_MHP 115003); HP 4: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật (02 tín chỉ_MHP 115004)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 46 /QĐ-TTGDQPAN ngày 26 /3/2025 của Giám đốc Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh Trường Đại học Quy Nhơn)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	HP1	HP2	HP3	HP4	ĐTB	ĐTB	Xếp loại	Kết quả xét	Ghi chú
1	4256120138	Bùi Hải	Nam	Nam	Bình Định	7.0	6.9	M	M	6.96	6.96	Trung bình	Đạt	Học lại
2	4351055000	Đoàn Lê	Duy	Nam	Bình Định	7.4	7.4	6.0	7.0	7.00	7.00	Khá	Đạt	Học lại
3	4351160264	Hồ Nguyễn Thành	Nam	Nam	Bình Định	3.4	6.7	7.3	7.2	5.84	5.84	Trung bình	Không đạt	Học lại
4	4356100153	Đinh Thị Thảo	Nguyễn	Nữ	Quảng Ngãi	7.9	7.0	6.9	7.1	7.30	7.30	Khá	Đạt	Học lại
5	4357510748	Vũ Đình	Khang	Nam	Bình Định	3.5	4.6	7.0	6.6	5.21	5.21	Trung bình	Không đạt	Học lại
6	4451050041	Bùi Nguyễn Diễm	Quỳnh	Nữ	Gia lai	5.0	6.8	7.0	5.3	5.91	5.91	Trung bình	Đạt	Học lại
7	4451050277	Lê Hữu Thiện	Phúc	Nam	Bình Định	6.2	7.4	6.4	2.8	5.76	5.76	Trung bình	Không đạt	Học lại
8	4451050362	Nguyễn Văn	Thịnh	Nam	Bình Định	7.6	5.0	7.4	4.4	6.27	6.27	Trung bình	Đạt	Học lại
9	4451050411	Nguyễn Đức	Trọng	Nam	Bình Định	6.4	7.0	6.8	7.0	6.76	6.76	Trung bình	Đạt	Học lại
10	4451050438	Phùng Gia	Tuyết	Nữ	Bình Định	4.6	4.0	7.4	2.8	4.69	4.69	Yếu	Không đạt	Học lại
11	4451300040	Trịnh Quốc	Đạt	Nam	Bình Định	5.0	5.0	5.0	7.6	5.58	5.58	Trung bình	Đạt	Học lại
12	4459030145	Y	Nhỏ	Nữ	Bình Định	7.6	7.0			7.36	7.36	Khá	Không đạt	Học lại
13	4459030151	Siu H' Pa	Phuê	Nữ	Gia lai	7.9	7.0			7.54	7.54	Khá	Không đạt	Học lại
14	4459030246	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Nữ	Bình Định	7.6	7.6	M	M	7.60	7.60	Khá	Đạt	Học lại
15	4552060007	Đào Thị	Diệp	Nữ	Khánh Hoà	7.6	7.0	6.9	7.1	7.20	7.20	Khá	Đạt	Học lại
16	4552060010	Nguyễn Văn	Hào	Nam	Bình Định	7.0	7.3	7.3	8.2	7.40	7.40	Khá	Đạt	Học lại

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	HP1	HP2	HP3	HP4	ĐTBC	Xếp loại	Kết quả xét	Ghi chú
17	4559010184	Hồ Thị	01/10/2004	Nữ	Kon Tum	8.0	7.9	6.9	8.6	7.87	Khá	Đạt	Học lại
18	4559030141	Huỳnh Thị Yến	16/11/2004	Nữ	Bình Định	7.9	7.3	6.9	7.7	7.50	Khá	Đạt	Học lại

Số sinh viên đạt: 12; Số sinh viên không đạt: 6

Bình Định, ngày 26 tháng 3 năm 2025

NGƯỜI LẬP BẢNG



CN. Lê Văn Lợi

PHÒNG ĐT&QLSV
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



CN. Trần Thế Hưng

TRƯỞNG KHOA



ThS. Nguyễn Thanh Ngọc

GIÁM ĐỐC



PGS.TS. Đoàn Đức Tùng

DANH SÁCH XÉT KẾT QUẢ HỌC TẬP CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
KHÓA 45; NĂM HỌC 2024-2025

TRƯỜNG LIÊN KẾT: TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN
HP 1: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam (03 tín chỉ_MHP 115001); HP 2: Công tác quốc phòng và an ninh (02 tín chỉ_MHP 115002);
HP 3: Quân sự chung (02 tín chỉ_MHP 115003); HP 4: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật (02 tín chỉ_MHP 115004)
(Bam hành kèm theo Quyết định số 46 /QĐ-TTGDQPAN ngày 26/3/2025 của Giám đốc Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh Trường Đại học Quy Nhơn)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	HP1	HP2	HP3	HP4	ĐTB	ĐTBC	Xếp loại	Kết quả xét	Ghi chú
1	4254050026	Hứa Văn Tấn	03/06/2001	Nam	Bình Định	5.0	5.7	M	M		5.28	Trung bình	Đạt	
2	4651010001	Nguyễn Hữu An	23/7/2005	Nam	Gia Lai	7.6	7.0	6.7	5.8		6.87	Trung bình	Đạt	
3	4651010002	Phùng Gia Bảo	19/10/2005	Nam	Bình Định	7.6	7.6	7.3	5.8		7.13	Khá	Đạt	
4	4651010003	Nguyễn Trọng Bình	17/02/2005	Nam	Bình Định	6.9	7.0	7.6	7.7		7.26	Khá	Đạt	
5	4651010004	Tần Lê Bảo Hà	14/3/2005	Nữ	Quảng Ngãi	7.9	8.0	9.0	5.3		7.59	Khá	Đạt	
6	4651010005	Nguyễn Thành Hậu	02/3/2005	Nam	Bình Định	7.6	7.0	7.0	5.9		6.96	Trung bình	Đạt	
7	4651010006	Chu Minh Hiếu	16/12/2005	Nam	Khánh Hoà	7.9	7.0	7.0	6.4		7.17	Khá	Đạt	
8	4651010007	Nguyễn Quang Hoàng	11/4/2005	Nam	Kon Tum	7.6	7.0	7.0	7.0		7.20	Khá	Đạt	
9	4651010008	Vũ Thị Hoa	22/5/2005	Nữ	Quảng Ngãi	8.0	8.0	9.0	8.0		8.22	Giỏi	Đạt	
10	4651010009	Châu Thành Lương	20/3/2005	Nam	Bình Định	7.0	7.0	6.9	6.4		6.84	Trung bình	Đạt	
11	4651010010	Đào Thị Thảo Như	06/02/2005	Nữ	Lâm Đồng	8.3	8.3	9.9	7.5		8.48	Giỏi	Đạt	
12	4651010011	Nguyễn Tấn Phát	17/02/2005	Nam	Bình Định	7.0	7.0	7.0	7.6		7.13	Khá	Đạt	
13	4651010012	Đặng Lê Quỳnh	22/4/2005	Nữ	Phú Yên	8.3	8.3	10	8.3		8.68	Giỏi	Đạt	
14	4651010013	Nguyễn Đức Tài	16/5/2005	Nam	Phú Yên	7.6	6.9	6.7	5.5		6.78	Trung bình	Đạt	
15	4651010014	Lê Bùi Phương Thảo	02/01/2005	Nữ	Bình Định	8.1	8.0	8.1	7.5		7.94	Khá	Đạt	
16	4651010016	Lê Thị Thanh Trí	19/02/2005	Nữ	Khánh Hòa	8.3	8.3	7.1	7.5		7.86	Khá	Đạt	
17	4651010017	Huyền Đoàn Ngọc Vinh	09/5/2005	Nam	Bình Định	7.6	7.0	7.0	6.1		7.00	Khá	Đạt	
18	4651010018	Phạm Nguyễn Phương Vy	11/11/2005	Nữ	Bình Định	8.3	8.3	7.1	7.8		7.92	Khá	Đạt	
19	4651020001	Huyền Hữu Hào	17/7/2005	Nam	Bình Định	7.0	7.0	7.0	7.6		7.13	Khá	Đạt	
20	4651020005	Nguyễn Thị Kiều Lan	20/12/2005	Nữ	Bình Định	8.3	8.0	7.1	7.7		7.83	Khá	Đạt	
21	4651020006	Nguyễn Đình Thảo Minh	03/5/2005	Nữ	Gia Lai	7.7	7.7	7.1	7.3		7.48	Khá	Đạt	
22	4651020007	Cao Thị Thanh Ngân	16/01/2005	Nữ	Bình Định	8.3	8.0	7.4	6.3		7.59	Khá	Đạt	
23	4651020008	Huyền Thị Anh Ngọc	21/10/2005	Nữ	Bình Định	8.3	8.0	7.1	8.1		7.92	Khá	Đạt	
24	4651020009	Nguyễn Bảo Ngọc	14/02/2005	Nữ	Gia Lai	8.3	8.3	7.1	5.4		7.39	Khá	Đạt	
25	4651020010	Phạm Đăng Anh Như	03/11/2005	Nữ	Bình Định	7.7	7.4	8.7	6.3		7.54	Khá	Đạt	
26	4651020012	Lê Phương Thảo	29/4/2005	Nữ	Kon Tum	8.3	7.7	9.0	6.6		7.94	Khá	Đạt	
27	4651020013	Hồ Nguyễn Hồng Thắm	19/8/2005	Nữ	Khánh Hòa	8.4	8.3	9.0	5.7		7.91	Khá	Đạt	
28	4651020014	Lê Minh Thi	08/6/2005	Nữ	Bình Định	8.3	7.4	9.0	7.8		8.14	Giỏi	Đạt	
29	4651020015	Phùng Thị Như	17/01/2005	Nữ	Khánh Hòa	8.4	8.0	9.7	7.5		8.40	Giỏi	Đạt	
30	4651020016	Phạm Thị Trang	26/01/2005	Nữ	Phú Yên	8.1	8.0	8.9	5.7		7.72	Khá	Đạt	
31	4651020017	Nguyễn Thành Trung	11/5/2005	Nam	Đắk Lắk	7.3	6.7	6.9	7.7		7.17	Khá	Đạt	
32	4651020018	Phan Thị Uyên	11/7/2005	Nữ	Gia Lai	8.3	8.0	8.6	7.4		8.10	Giỏi	Đạt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	HP1	HP2	HP3	HP4	ĐTB	Xếp loại	Kết quả xét	Ghi chú
33	4651020019	Nguyễn Thị Tường	Vy	Nữ	Quảng Ngãi	8.3	8.3	8.6	6.6	7.99	Khá	Đạt	
34	4651020020	Trần Hà	Vy	Nữ	Bình Định	8.3	8.0	9.0	8.2	8.37	Giỏi	Đạt	
35	4656020001	Hoàng Châu Việt	Anh	Nam	Kon Tum	8.1	7.0	7.6	8.9	7.92	Khá	Đạt	
36	4656020002	Ksor H'	Anh	Nữ	Gia Lai	8.3	8.0	8.0	7.7	8.03	Giỏi	Đạt	
37	4656020003	Đặng Thuý	Dương	Nữ	Gia Lai	7.8	8.3	8.0	7.7	7.93	Khá	Đạt	
38	4656020004	Trần Kiều Giáng	Hương	Nữ	Phú Yên	8.3	8.0	8.0	8.1	8.12	Giỏi	Đạt	
39	4656020005	Lê Phùng Bảo	Khanh	Nữ	Bình Định	8.4	8.3	8.0	7.5	8.09	Giỏi	Đạt	
40	4656020006	Châu Lê Thảo	Ly	Nữ	Quảng Ngãi	8.4	7.1	8.0	5.4	7.36	Khá	Đạt	
41	4656020007	Nguyễn Thị Yên	Ly	Nữ	Quảng Ngãi	8.3	8.0	8.0	6.8	7.83	Khá	Đạt	
42	4656020008	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	Nữ	Phú Yên	8.3	8.0	8.0	8.0	8.10	Giỏi	Đạt	
43	4656020010	Y Y	Như	Nữ	Kon Tum	8.3	8.0	8.0	7.9	8.08	Giỏi	Đạt	
44	4656020011	Cao Thị Diễm	Quỳnh	Nữ	Bình Định	8.3	8.0	8.0	7.2	7.92	Khá	Đạt	
45	4656020012	Phan Thị Đặng	Tâm	Nữ	Gia Lai	8.3	8.0	7.4	8.3	8.03	Giỏi	Đạt	
46	4656020013	Đinh Hoài	Thu	Nữ	Gia Lai	8.0	8.0	8.4	7.5	7.98	Khá	Đạt	
47	4656020014	Sơ Minh	Thư	Nam	Phú Yên	7.0	7.3	7.6	7.7	7.36	Khá	Đạt	
48	4656020015	Phạm Quốc	Toàn	Nam	Quảng Ngãi	7.6	7.6	7.6	7.6	7.60	Khá	Đạt	
49	4656020016	Nguyễn Thị Thuý	Trang	Nữ	Bình Định	8.4	8.0	8.9	5.4	7.76	Khá	Đạt	
50	4656020017	Y	Trở	Nữ	Kon Tum	8.4	8.0	9.0	5.9	7.89	Khá	Đạt	
51	4656020018	Nguyễn Thế	Vũ	Nam	Đắk Lắk	7.6	7.6	7.6	7.6	7.60	Khá	Đạt	
52	4656020019	Nguyễn Thị Hải	Yên	Nữ	Đắk Lắk	8.4	8.0	10	8.9	8.78	Giỏi	Đạt	
53	4658020001	Bùi Thị Quỳnh	Anh	Nữ	Hà Tĩnh	8.0	7.4	8.0	5.1	7.22	Khá	Đạt	
54	4658020002	Lê Huỳnh Trâm	Anh	Nữ	Phú Yên	7.9	8.0	7.1	6.3	7.39	Khá	Đạt	
55	4658020003	Nguyễn Ngọc Minh	Anh	Nữ	Ninh Thuận	7.9	8.0	8.0	5.5	7.41	Khá	Đạt	
56	4658020004	Thịnh Duy	Anh	Nam	Đắk Nông	7.6	7.0	5.9	7.6	7.09	Khá	Đạt	
57	4658020005	Trần Thị Vân	Anh	Nữ	Ninh Thuận	8.3	8.0	8.0	6.6	7.79	Khá	Đạt	
58	4658020006	Y Hồng	Anh	Nữ	Kon Tum	8.3	8.0	7.4	7.9	7.94	Khá	Đạt	
59	4658020007	Thạch Quang	Bách	Nam	Quảng Ngãi	7.0	6.4	6.7	7.6	6.93	Trung bình	Đạt	
60	4658020008	H Nguyệt	Bing	Nữ	Đắk Lắk	8.3	8.0	7.4	7.4	7.83	Khá	Đạt	
61	4658020009	Trần Ngọc Lan	Chi	Nữ	Phú Yên	8.0	8.0	7.1	5.7	7.29	Khá	Đạt	
62	4658020010	Đinh	Công	Nam	Bình Định	7.6	7.0	6.6	7.6	7.24	Khá	Đạt	
63	4658020011	Lê Nguyễn Kiều	Diễm	Nữ	Bình Định	8.1	7.1	7.1	6.7	7.34	Khá	Đạt	
64	4658020012	Nguyễn Thị Thu	Diễm	Nữ	Bình Định	8.3	8.0	8.0	5.9	7.63	Khá	Đạt	
65	4658020013	Bùi Hoàng Thuý	Diệp	Nữ	Kon Tum	7.4	7.1	8.0	6.6	7.29	Khá	Đạt	
66	4658020014	Đặng Thị Mỹ	Duyên	Nữ	Phú Yên	8.3	7.4	7.7	5.7	7.39	Khá	Đạt	
67	4658020015	Tô Da Linh	Đa	Nữ	Ninh Thuận	8.0	8.0	8.0	5.4	7.42	Khá	Đạt	
68	4658020016	Nguyễn Tấn	Đạt	Nam	Bình Định	8.2	7.6	6.5	6.1	7.22	Khá	Đạt	
69	4658020017	Trịnh Quốc	Đạt	Nam	Gia Lai	7.0	7.0	6.6	5.9	6.67	Trung bình	Đạt	
70	4658020020	Nguyễn Lệ Hoàng	Giăng	Nữ	Bình Định	7.4	7.4	8.0	6.0	7.22	Khá	Đạt	
71	4658020021	Dương Thị Thu	Hà	Nữ	Đắk Lắk	8.0	6.5	7.4	6.9	7.29	Khá	Đạt	
72	4658020022	Nguyễn Rơ Chăm	Hải	Nam	Gia Lai	7.3	7.0	6.5	7.7	7.14	Khá	Đạt	
73	4658020023	Dương Thị	Hiền	Nữ	Đắk Lắk	8.0	8.0	8.0	7.8	7.96	Khá	Đạt	
74	4658020024	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	Bình Định	8.3	8.0	7.3	5.4	7.37	Khá	Đạt	
75	4658020025	Nguyễn Thị Xuân	Hiệp	Nữ	Bình Định	8.3	7.4	8.7	8.6	8.26	Giỏi	Đạt	
76	4658020028	Nguyễn Thị Thu	Huyền	Nữ	Đắk Nông	7.8	7.4	8.0	8.7	7.96	Khá	Đạt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	HP1	HP2	HP3	HP4	ĐTB	Xếp loại	Kết quả xét	Ghi chú
77	4658020029	Đinh Thị Kiều	08/10/2005	Nữ	Bình Định	8.4	7.4	7.3	7.5	7.73	Khá	Đạt	
78	4658020031	Tần Đức	25/12/2004	Nam	Bình Định	7.7	6.4	6.5	5.8	6.72	Trung bình	Đạt	
79	4658020032	Nguyễn Văn	30/11/2005	Nam	Ninh Thuận	8.5	6.9	7.6	5.8	7.34	Khá	Đạt	
80	4658020033	Phan Trung	25/10/2005	Nam	Bình Định	7.0	7.0	6.9	8.2	7.24	Khá	Đạt	
81	4658020034	Lê Thị Anh	28/5/2005	Nữ	Phú Yên	8.4	7.7	8.3	7.8	8.09	Giỏi	Đạt	
82	4658020035	Y	16/3/2005	Nữ	Kon Tum	8.3	8.3	7.3	8.0	8.01	Giỏi	Đạt	
83	4658020036	Hà Đăng Xuân	20/12/2005	Nữ	Bình Định	8.3	8.0	8.6	8.3	8.30	Giỏi	Đạt	
84	4658020038	Huyền Thanh	06/01/2005	Nữ	Quảng Ngãi	8.4	7.4	8.0	7.9	7.98	Khá	Đạt	
85	4658020039	Nguyễn Thị	26/3/2005	Nữ	Quảng Nam	8.3	8.3	8.3	5.9	7.77	Khá	Đạt	
86	4658020040	Đoàn Bích	04/4/2005	Nữ	Lao Cai	7.4	7.1	7.3	5.5	6.89	Trung bình	Đạt	
87	4658020041	Tần Thị Kim	02/11/2005	Nữ	Ninh Thuận	8.4	7.4	8.4	8.5	8.20	Giỏi	Đạt	
88	4658020042	Huyền Thị Trung	01/01/2005	Nữ	Bình Định	8.4	8.0	8.6	7.2	8.09	Giỏi	Đạt	
89	4658020044	Đặng Yên	11/3/2005	Nữ	Phú Yên	8.3	7.4	8.6	7.2	7.92	Khá	Đạt	
90	4658020045	Nguyễn Thuý	28/8/2005	Nữ	Bình Định	8.3	8.0	8.6	6.0	7.79	Khá	Đạt	
91	4658020046	Lê Thị Hồng	08/7/2005	Nữ	Đắk Lắk	8.3	8.0	8.6	7.1	8.03	Giỏi	Đạt	
92	4658020047	H Kari	14/8/2005	Nữ	Đắk Lắk	8.3	8.0	8.3	5.7	7.66	Khá	Đạt	
93	4658020049	Mai Thị Hồng	04/6/2005	Nữ	Gia Lai	8.3	8.0	8.6	7.4	8.10	Giỏi	Đạt	
94	4658020050	Lê Công Hồng	03/12/2005	Nam	Khánh Hòa	7.3	5.8	7.6	7.6	7.10	Khá	Đạt	
95	4658020051	Nguyễn Mai	30/10/2005	Nữ	Gia Lai	8.3	8.1	10	8.9	8.77	Giỏi	Đạt	
96	4658020052	Nguyễn Vô Lê	13/10/2005	Nữ	Hà Tĩnh	8.1	8.0	8.0	7.2	7.86	Khá	Đạt	
97	4658020053	Phan Trình Mạnh	19/02/2005	Nữ	Phú Yên	8.4	8.4	9.6	7.6	8.49	Giỏi	Đạt	
98	4658020054	Dương Hồ Như	10/5/2005	Nữ	Bình Định	8.4	8.0	9.0	7.0	8.13	Giỏi	Đạt	
99	4658020055	Mai Thị Mỹ	30/3/2005	Nữ	Bình Định	8.3	8.0	7.7	6.2	7.63	Khá	Đạt	
100	4658020056	Nguyễn Thị	25/7/2005	Nữ	Hà Tĩnh	8.3	8.0	8.0	6.0	7.66	Khá	Đạt	
101	4658020057	Trương Thị Tuyết	05/11/2005	Nữ	Gia Lai	8.4	8.0	8.0	7.1	7.93	Khá	Đạt	
102	4658020058	Bùi Thị Thanh	19/12/2005	Nữ	Kin Tum	8.3	8.0	9.4	8.6	8.54	Giỏi	Đạt	
103	4658020059	Lê Thị	20/11/2005	Nữ	Thanh Hoá	8.3	7.4	7.7	7.7	7.83	Khá	Đạt	
104	4658020060	Nguyễn Cương Diệu Hiền	22/01/2005	Nữ	Bình Định	8.4	8.4	8.6	5.7	7.84	Khá	Đạt	
105	4658020062	Nguyễn Tân	24/4/2005	Nam	Bình Định	7.6	7.0	7.6	6.1	7.13	Khá	Đạt	
106	4658020063	Chamalea Thị	01/7/2005	Nữ	Ninh Thuận	8.3	7.4	7.9	8.9	8.14	Giỏi	Đạt	
107	4658020064	A	13/10/2005	Nam	Kon Tum	6.4	5.8	7.6	7.9	6.87	Trung bình	Đạt	
108	4658020065	Đàm Thị	27/9/2002	Nữ	Gia Lai	8.4	7.4	8.6	6.5	7.80	Khá	Đạt	
109	4658020066	Nguyễn Văn	21/4/2005	Nam	Bình Định	7.4	6.8	8.5	8.0	7.64	Khá	Đạt	
110	4658020067	Phạm Thị Thu	20/10/2005	Nữ	Bình Định	8.3	7.4	7.4	7.1	7.63	Khá	Đạt	
111	4658020068	Lê Nguyễn Hoài	14/10/2005	Nữ	Gia Lai	8.3	8.0	7.4	5.4	7.39	Khá	Đạt	
112	4658020069	Cù Thị Thuý	07/9/2005	Nữ	Gia Lai	8.3	8.0	8.6	8.1	8.26	Giỏi	Đạt	
113	4658020070	Nguyễn Hữu	14/01/2005	Nam	Gia Lai	7.9	7.0	6.5	6.9	7.17	Khá	Đạt	
114	4658020072	Trần Hoàng Quỳnh	06/3/2005	Nữ	Nghệ An	8.3	8.4	7.4	6.3	7.68	Khá	Đạt	
115	4658020073	Trần Nguyễn Thuý	12/8/2005	Nữ	Gia Lai	8.4	8.4	8.4	8.9	8.51	Giỏi	Đạt	
116	4658020075	Phạm Thị Ngọc	29/11/2005	Nữ	Phú Yên	8.3	8.0	8.0	8.4	8.19	Giỏi	Đạt	
117	4658020076	Hồ Văn	22/7/2005	Nam	Bình Định	7.0	7.0	7.5	8.2	7.38	Khá	Đạt	
118	4658020077	Đinh Thị Bạch	16/12/2005	Nữ	Quảng Ngãi	8.3	6.8	8.6	5.4	7.39	Khá	Đạt	
119	4658020078	Vai	01/01/2005	Nữ	Gia Lai	8.3	7.7	8.0	7.6	7.94	Khá	Đạt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	HP1	HP2	HP3	HP4	DTBC	Xếp loại	Kết quả xét	Ghi chú
120	4658020079	Đinh Thị Kiều	19/4/2005	Nữ	Bình Định	8.3	7.7	8.0	5.5	7.48	Khá	Đạt	
121	4658020080	Hồ Cẩm	09/3/2005	Nữ	Phú Yên	8.3	7.4	8.0	5.9	7.50	Khá	Đạt	
122	4658020081	Nguyễn Thị Bích	26/3/2005	Nữ	Bình Định	8.3	7.4	8.0	8.3	8.03	Giỏi	Đạt	
123	4658020082	Hoàng Quốc	26/5/2003	Nam	Ninh Bình	7.5	7.0	7.7	8.2	7.59	Khá	Đạt	
124	4658020083	Hoàng Quốc	28/2/2005	Nam	Gia Lai	7.0	7.0	7.6	9.2	7.62	Khá	Đạt	
125	4658020084	Lương Tuấn	15/3/2005	Nam	Bình Định	7.6	7.0	7.0	7.6	7.33	Khá	Đạt	
126	4658020085												
127	4658020086	Phạm Thị Khánh	01/1/2005	Nữ	Gia Lai	8.3	7.7	8.0	5.9	7.57	Khá	Đạt	
128	4659010001	Nguyễn Đoàn Trâm	07/1/2005	Nữ	Phú Yên	8.3	7.4	7.4	7.2	7.66	Khá	Đạt	
129	4659010002	Huỳnh Thị Ngọc	31/7/2005	Nữ	Bình Định	8.0	6.8	8.1	7.9	7.73	Khá	Đạt	
130	4659010003	Vũ Thị Hồng	08/12/2005	Nữ	Bình Định	8.1	7.7	7.4	7.1	7.63	Khá	Đạt	
131	4659010004	Trần Thị Thục	04/5/2005	Nữ	Kon Tum	8.5	8.6	8.1	7.6	8.23	Giỏi	Đạt	
132	4659010005	Nguyễn Doãn	27/1/2005	Nữ	Quảng Nam	7.7	7.9	8.1	8.2	7.94	Khá	Đạt	
133	4659010007	Kpà H'	02/8/2005	Nam	Gia Lai	6.9	7.5	7.6	7.0	7.21	Khá	Đạt	
134	4659010008	Sie	10/3/2005	Nữ	Gia Lai	8.5	8.7	8.1	7.6	8.26	Giỏi	Đạt	
135	4659010009	Trương Thị Thiên	10/3/2005	Nữ	Gia Lai	7.3	6.9	7.9	8.2	7.54	Khá	Đạt	
136	4659010010	Ro Chăm	10/3/2005	Nữ	Gia Lai	7.0	7.7	7.1	8.0	7.40	Khá	Đạt	
137	4659010011	Trần Quỳnh Diễm	01/1/2005	Nữ	Gia Lai	7.7	8.6	7.3	6.7	7.59	Khá	Đạt	
138	4659010012	Trần Thị Linh	30/10/2005	Nữ	Phú Yên	7.7	8.6	7.3	5.8	7.39	Khá	Đạt	
139	4659010013	Nguyễn Thị Bích	17/5/2005	Nữ	Quảng Ngãi	7.1	7.1	8.0	6.9	7.26	Khá	Đạt	
140	4659010014	Trần Thu	26/4/2005	Nữ	Phú Yên	8.0	8.0	7.5	8.2	7.93	Khá	Đạt	
141	4659010015	Đinh Thủy	21/3/2005	Nữ	Quảng Ngãi	7.9	8.4	7.3	8.2	7.94	Khá	Đạt	
142	4659010016	Nguyễn Phương	06/4/2005	Nữ	Bình Định	8.0	9.0	7.3	8.2	8.11	Giỏi	Đạt	
143	4659010017	Đinh Thị Kiên	29/10/2005	Nữ	Phú Yên	8.2	8.6	7.1	7.0	7.78	Khá	Đạt	
144	4659010018	Hồ Thị Mỹ	24/9/2005	Nữ	Quảng Ngãi	8.0	7.5	7.5	7.6	7.69	Khá	Đạt	
145	4659010019	Trần Vũ Mỹ	04/4/2005	Nữ	Đắk Lắk	7.9	8.6	7.5	8.1	8.01	Giỏi	Đạt	
146	4659010020	Y	15/12/2005	Nữ	Gia Lai	6.7	6.9	8.0	7.1	7.12	Khá	Đạt	
147	4659010022	Bùi Hoàng Thủy	15/1/2005	Nữ	Kon Tum	6.5	7.1	8.0	8.9	7.50	Khá	Đạt	
148	4659010023	Lò Thị	30/8/2005	Nữ	Hà Tĩnh	8.6	8.1	6.9	7.9	7.96	Khá	Đạt	
149	4659010024	Ksor H'	15/9/2005	Nữ	Kon Tum	8.3	9.0	7.5	6.4	7.86	Khá	Đạt	
150	4659010025	Đào Thị Trà	01/11/2004	Nữ	Gia Lai	7.7	8.3	8.1	6.9	7.74	Khá	Đạt	
151	4659010026	Nguyễn Thị Hương	20/4/2005	Nữ	Nghe An	8.1	8.1	7.1	8.3	7.92	Khá	Đạt	
152	4659010027	Ksor H'	21/1/2005	Nữ	Bình Định	7.0	7.1	8.0	8.3	7.53	Khá	Đạt	
153	4659010028	Nguyễn Thị Thu	28/8/2005	Nữ	Gia Lai	8.0	8.3	8.1	7.9	8.07	Giỏi	Đạt	
154	4659010029	Dương Thanh	24/3/2005	Nữ	Phú Yên	7.3	8.4	8.1	8.5	7.99	Khá	Đạt	
155	4659010030	Mai Thị Thu	10/9/2005	Nam	Quảng Ngãi	7.6	7.6	7.2	5.8	7.11	Khá	Đạt	
156	4659010031	Lý Thu	14/1/2005	Nữ	Bình Định	8.0	8.7	8.4	7.6	8.16	Giỏi	Đạt	
157	4659010032	Mai Thị Thu	23/9/2005	Nữ	Gia Lai	7.4	8.1	8.1	5.8	7.36	Khá	Đạt	
158	4659010033	Nguyễn Lê Mỹ	07/12/2005	Nữ	Quảng Trị	8.2	7.1	7.7	8.3	7.87	Khá	Đạt	
159	4659010034	Nguyễn Thị Thu	16/12/2005	Nữ	Bình Định	7.7	7.1	8.0	8.0	7.70	Khá	Đạt	
160	4659010035	Nguyễn Thị Thu	03/1/2005	Nữ	Phú Yên	7.6	7.7	8.0	8.6	7.93	Khá	Đạt	
161	4659010036	Triệu Thu	29/9/2005	Nữ	Phú Yên	7.4	7.7	7.4	6.3	7.22	Khá	Đạt	
162	4659010037	Trương Diễm	06/7/2005	Nữ	Gia Lai	7.3	8.6	7.9	8.2	7.92	Khá	Đạt	
163	4659010038	Đinh Thị Ngọc	10/6/2005	Nữ	Phú Yên	8.0	8.6	8.0	9.6	8.49	Giỏi	Đạt	
163	4659010038	Hàn	31/1/2005	Nữ	Bình Định	7.9	9.0	8.1	7.1	8.01	Giỏi	Đạt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	HP1	HP2	HP3	HP4	ĐTB	ĐTB	Xếp loại	Kết quả xét	Ghi chú
164	4659010039	Trần Đỗ Gia	Hân	Nữ	Bình Định	7.0	6.3	8.0	7.1	7.09		Khá	Đạt	
165	4659010040	Lê Thị Hậu	Hậu	Nữ	Phú Yên	8.3	8.3	7.9	8.3	8.21		Giỏi	Đạt	
166	4659010041	Phạm Thị Hiền	Hiền	Nữ	Quảng Ngãi	7.4	7.7	7.9	7.3	7.56		Khá	Đạt	
167	4659010043	Đoàn Thị Cẩm	Hiếu	Nữ	Bình Định	7.6	7.1	7.4	7.7	7.47		Khá	Đạt	
168	4659010044	Ksor H	Lanh	Nữ	Gia Lai	7.9	8.0	6.9	5.8	7.23		Khá	Đạt	
169	4659010045	Đinh Thị H'	Linh	Nữ	Quảng Ngãi	7.4	7.3	6.6	7.9	7.31		Khá	Đạt	
170	4659010047	Trần Thị Mai	Hoa	Nữ	Gia Lai	6.4	6.3	7.1	6.8	6.62		Trung bình	Đạt	
171	4659010048	Phùng Mỹ	Hoàng	Nữ	Bình Định	6.5	6.3	7.4	8.1	7.01		Khá	Đạt	
172	4659010049	Ksor H'	Iloe	Nữ	Gia Lai	8.5	8.0	7.6	5.9	7.61		Khá	Đạt	
173	4659010050	La Thị Thanh	Hoà	Nữ	Phú Yên	7.7	8.1	7.9	5.9	7.43		Khá	Đạt	
174	4659010052	Nguyễn Thị Hợp	Hợp	Nữ	Gia Lai	8.6	8.6	7.6	7.3	8.09		Giỏi	Đạt	
175	4659010053	Đinh Thị Hồng	Huế	Nữ	Bình Định	7.7	9.0	8.4	7.8	8.17		Giỏi	Đạt	
176	4659010054	R' O	Huế	Nữ	Gia Lai	8.1	8.1	7.9	8.2	8.08		Giỏi	Đạt	
177	4659010055	Huyền Diệu	Huyền	Nữ	Gia Lai	7.4	8.3	7.7	7.7	7.73		Khá	Đạt	
178	4659010056	Lò Thị Thanh	Huyền	Nữ	Kon Tum	8.1	7.4	8.7	7.6	7.97		Khá	Đạt	
179	4659010057	Mạc Nguyễn Khánh	Huyền	Nữ	Kon Tum	7.9	8.4	7.1	7.7	7.79		Khá	Đạt	
180	4659010058	Nguyễn Linh	Huyền	Nữ	Phú Yên	9.0	9.1	9.6	7.6	8.84		Giỏi	Đạt	
181	4659010059	Nguyễn Thanh	Huyền	Nữ	Thanh Hoá	7.1	6.5	7.1	8.3	7.23		Khá	Đạt	
182	4659010060	Trần Thị Ngọc	Huyền	Nữ	Gia Lai	7.0	7.1	7.4	8.9	7.53		Khá	Đạt	
183	4659010061	Nguyễn Thị Quỳnh	Hương	Nữ	Kon Tum	6.4	6.5	7.4	7.7	6.93		Trung bình	Đạt	
184	4659010062	Tổng Thị Thủy	Hương	Nữ	Gia Lai	7.7	7.3	7.4	8.1	7.63		Khá	Đạt	
185	4659010063	Ror Mah	Kha	Nam	Gia Lai	7.3	6.3	7.3	7.0	7.01		Khá	Đạt	
186	4659010064	Y Ni	Khanh	Nữ	Kon Tum	7.4	9.0	6.9	7.6	7.69		Khá	Đạt	
187	4659010065	Chamaléa	Khai	Nam	Ninh Thuận	7.9	7.0	7.1	7.7	7.48		Khá	Đạt	
188	4659010066	Huyền Trương Yên	Khoa	Nữ	Bình Định	8.0	8.3	7.3	7.3	7.76		Khá	Đạt	
189	4659010067	Đinh Thị Thủy	Kiều	Nữ	Gia Lai	7.4	8.4	7.0	7.3	7.51		Khá	Đạt	
190	4659010068	Nguyễn Đăng Văn	Kiều	Nữ	Phú Yên	7.4	8.3	8.7	7.9	8.00		Giỏi	Đạt	
191	4659010069	Y	Kiều	Nữ	Kon Tum	8.3	8.0	9.0	8.1	8.34		Giỏi	Đạt	
192	4659010070	H' Chưa	Kpá	Nữ	Đắk Lắk	7.0	7.3	7.4	7.1	7.18		Khá	Đạt	
193	4659010071	Hoàng Thị Ngọc	Lan	Nữ	Gia Lai	7.3	7.6	7.4	8.1	7.57		Khá	Đạt	
194	4659010072	Niê Hô	Lên	Nữ	Phú Yên	8.0	7.7	7.1	8.9	7.93		Khá	Đạt	
195	4659010073	Bùi Thị	Linh	Nữ	Nghe An	9.0	8.5	7.5	8.7	8.49		Giỏi	Đạt	
196	4659010074	Cù Thị Mĩ	Linh	Nữ	Bình Định	7.1	7.4	7.1	7.6	7.28		Khá	Đạt	
197	4659010075	Hoàng Ai	Linh	Nữ	Gia Lai	7.4	8.7	8.7	8.1	8.13		Giỏi	Đạt	
198	4659010076	Nguyễn Thị	Linh	Nữ	Hà Tây	7.3	7.0	7.4	5.9	6.94		Trung bình	Đạt	
199	4659010077	Nguyễn Thị Khánh	Linh	Nữ	Gia Lai	7.0	7.0	7.4	7.5	7.20		Khá	Đạt	
200	4659010078	Đinh Thị Hoài	Lý	Nữ	Gia Lai	7.1	7.9	7.7	6.5	7.28		Khá	Đạt	
201	4659010079	Trần Huệ	Mẫn	Nữ	Quảng Ngãi	9.0	8.4	8.7	7.6	8.49		Giỏi	Đạt	
202	4659010080	Siu	Milu	Nữ	Gia Lai	8.5	8.0	6.6	7.3	7.70		Khá	Đạt	
203	4659010082	Huyền Thị Tuyết	My	Nữ	Bình Định	7.0	7.9	8.0	8.1	7.67		Khá	Đạt	
204	4659010083	Vô Ngọc Kiều	My	Nữ	Khánh Hoà	8.0	9.0	8.7	7.0	8.16		Giỏi	Đạt	
205	4659010085	Nguyễn Thị Thủy	Nga	Nữ	Bình Định	7.3	8.4	8.7	7.6	7.92		Khá	Đạt	
206	4659010086	Nguyễn Thuý	Nga	Nữ	Bình Định	7.8	8.3	8.1	5.8	7.53		Khá	Đạt	
207	4659010087	Phùng Thị Tuyết	Nga	Nữ	Bình Định	8.1	8.6	7.3	5.8	7.52		Khá	Đạt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	HP1	HP2	HP3	HP4	ĐTBCT	Xếp loại	Kết quả xét	Ghi chú
208	4659010089	Lê Kim	Ngân	Nữ	Bình Định	8.0	8.0	7.3	7.6	7.76	Khá	Đạt	
209	4659010090	Nguyễn Diệu	Ngân	Nữ	Thanh Hoá	8.0	8.5	6.9	8.5	7.98	Khá	Đạt	
210	4659010091	Phạm Thị Bảo	Ngân	Nữ	Quảng Ngãi	7.4	8.6	7.3	8.5	7.89	Khá	Đạt	
211	4659010092	Rơ Mãnh	Ngân	Nữ	Gia Lai	7.9	8.6	7.6	7.3	7.86	Khá	Đạt	
212	4659010093	Tạ Thu	Ngân	Nữ	Gia Lai	7.4	8.1	7.5	7.2	7.53	Khá	Đạt	
213	4659010094	Nông Minh	Nghĩa	Nam	Kon Tum	7.6	7.3	7.3	5.8	7.07	Khá	Đạt	
214	4659010096		Ngan	Nữ	Gia Lai	7.9	7.9	7.3	7.6	7.70	Khá	Đạt	
215	4659010097	Lê Thị Mỹ	Ngọc	Nữ	Gia Lai	7.3	8.0	7.1	7.7	7.50	Khá	Đạt	
216	4659010098	Nguyễn Thị Hoàng	Ngọc	Nữ	Kon Tum	7.4	8.5	7.0	7.7	7.62	Khá	Đạt	
217	4659010099	Đặng Thị Minh	Nguyệt	Nữ	Phú Yên	7.8	8.4	7.5	5.8	7.42	Khá	Đạt	
218	4659010100	Nay H'	Nguyệt	Nữ	Gia Lai	7.9	8.0	7.3	6.4	7.46	Khá	Đạt	
219	4659010101	Nông Thị Như	Nguyệt	Nữ	Kon Tum	7.7	7.7	7.3	7.3	7.52	Khá	Đạt	
220	4659010102	Rcom H'	Nha	Nữ	Gia Lai	8.3	8.0	7.7	8.5	8.14	Giỏi	Đạt	
221	4659010103	Trần Thị Thu	Nhân	Nữ	Gia Lai	7.7	8.3	6.9	7.6	7.63	Khá	Đạt	
222	4659010104	Lương Thị Kim	Nhiên	Nữ	Bình Định	7.5	8.3	7.1	7.1	7.50	Khá	Đạt	
223	4659010106	Đinh Thị Hoài	Nhi	Nữ	Gia Lai	7.4	9.0	7.1	8.9	8.02	Giỏi	Đạt	
224	4659010107	Nguyễn Phạm Yên	Nhi	Nữ	Phú Yên	8.0	8.9	7.3	8.2	8.09	Giỏi	Đạt	
225	4659010108	Nguyễn Thị Yên	Nhi	Nữ	Bình Định	7.5	8.6	7.3	8.5	7.92	Khá	Đạt	
226	4659010109	Trần Nguyễn Quỳnh	Nhi	Nữ	Bình Định	8.0	8.6	7.3	7.0	7.76	Khá	Đạt	
227	4659010110	Nguyễn Thị Bích	Nhung	Nữ	Quảng Ngãi	8.5	8.5	7.5	5.8	7.68	Khá	Đạt	
228	4659010111	Hoàng Thị Bích	Như	Nữ	Ninh Thuận	8.3	8.7	7.0	5.8	7.54	Khá	Đạt	
229	4659010112	Nguyễn Lê Bích	Như	Nữ	Phú Yên	8.0	7.5	7.1	7.1	7.49	Khá	Đạt	
230	4659010113	Phạm Quỳnh	Như	Nữ	Phú Yên	8.0	8.0	6.9	8.5	7.87	Khá	Đạt	
231	4659010114	Huỳnh Trà Bảo	Ny	Nữ	Gia Lai	8.1	7.0	8.0	8.1	7.83	Khá	Đạt	
232	4659010115	Rơ Lan	Oanh	Nữ	Gia Lai	8.1	8.1	7.6	7.5	7.86	Khá	Đạt	
233	4659010116	Siu	Pháo	Nữ	Gia Lai	8.0	7.8	7.7	7.0	7.67	Khá	Đạt	
234	4659010117	Rơ Mah	Phin	Nữ	Gia Lai	7.7	8.3	7.5	7.6	7.77	Khá	Đạt	
235	4659010118	Lê Mai	Phuong	Nữ	Đắk Lắk	8.3	8.0	6.9	7.6	7.77	Khá	Đạt	
236	4659010119	Nguyễn Lê Bảo	Phuong	Nữ	Kon Tum	8.3	9.0	6.7	7.3	7.88	Khá	Đạt	
237	4659010120	Nguyễn Thị Hoàng	Phuong	Nữ	Kon Tum	7.4	7.5	7.3	7.3	7.38	Khá	Đạt	
238	4659010121	Kpă Hô	Quynh	Nữ	Phú Yên	8.0	8.3	7.6	8.6	8.11	Giỏi	Đạt	
239	4659010122	Dương Nguyễn Như	Quynh	Nữ	Gia Lai	8.3	8.7	7.7	7.9	8.17	Giỏi	Đạt	
240	4659010124	Trần Thị Như	Quynh	Nữ	Bình Định	7.7	8.6	7.0	8.3	7.88	Khá	Đạt	
241	4659010125	Rơ Mãnh	San	Nữ	Gia Lai	7.6	8.0	7.7	5.8	7.31	Khá	Đạt	
242	4659010126	Đinh Thị Vân	Son	Nữ	Quảng Ngãi	7.4	8.9	7.3	7.6	7.76	Khá	Đạt	
243	4659010127	Phạm Nhật	Suong	Nữ	Bình Định	8.1	8.1	6.9	7.6	7.72	Khá	Đạt	
244	4659010128	Vô Thị Ái	Suong	Nữ	Bình Định	9.0	9.1	7.7	8.9	8.71	Giỏi	Đạt	
245	4659010129	Trương Thị Thủy	Tài	Nữ	Phú Yên	7.1	8.6	6.9	7.0	7.37	Khá	Đạt	
246	4659010130	Ksor H'	Tâm	Nữ	Gia Lai	8.3	8.0	7.3	8.3	8.01	Giỏi	Đạt	
247	4659010131	Trần Thị Thanh	Tâm	Nữ	Quảng Ngãi	7.4	8.4	7.7	7.5	7.71	Khá	Đạt	
248	4659010132	Đinh Thị	Thanh	Nữ	Gia Lai	7.7	8.6	7.7	7.3	7.81	Khá	Đạt	
249	4659010133	Trần Phan Bảo	Thanh	Nữ	Bình Định	8.3	7.4	7.1	7.1	7.57	Khá	Đạt	
250	4659010134	Đinh Thị Ngọc	Thảo	Nữ	Gia Lai	7.1	8.0	6.9	7.0	7.23	Khá	Đạt	
251	4659010135	Đinh Thị Y	Thao	Nữ	Gia Lai	8.1	7.7	6.9	7.0	7.50	Khá	Đạt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	HP1	HP2	HP3	HP4	ĐTB	Xếp loại	Kết quả xét	Ghi chú
252	4659010136	Lê Thị Thảo	30/3/2005	Nữ	Gia Lai	8.3	8.0	7.1	5.7	7.39	Khá	Đạt	
253	4659010137	Nguyễn Thị Bích Thảo	04/7/2005	Nữ	Quảng Ngãi	8.5	8.4	7.7	8.3	8.26	Giỏi	Đạt	
254	4659010138	Nguyễn Thị Bích Thảo	01/01/2005	Nữ	Bình Định	7.5	7.9	7.9	6.4	7.43	Khá	Đạt	
255	4659010139	Phạm Thu Thảo	28/10/2005	Nữ	Quảng Ngãi	7.7	8.0	7.9	7.6	7.79	Khá	Đạt	
256	4659010141	Hà Thị Mông	14/4/2005	Nữ	Bình Định	7.3	7.4	7.7	7.6	7.48	Khá	Đạt	
257	4659010142	Y Thảo	14/10/2005	Nữ	Kon Tum	7.7	8.0	7.0	7.5	7.57	Khá	Đạt	
258	4659010143	Phạm Thị Thiên	09/3/2005	Nữ	Quảng Ngãi	8.3	8.0	7.3	7.7	7.88	Khá	Đạt	
259	4659010144	Đinh Thị Ai	10/11/2005	Nữ	Bình Định	8.6	8.7	7.9	7.0	8.11	Giỏi	Đạt	
260	4659010145	Đỗ Vỹ Thoa	11/02/2005	Nữ	Quảng Ngãi	7.5	8.1	7.0	6.5	7.30	Khá	Đạt	
261	4659010146	Thot	20/7/2005	Nữ	Gia Lai	7.7	7.4	7.9	8.2	7.79	Khá	Đạt	
262	4659010147	Phùng Thị Thanh Thu	25/01/2005	Nữ	Vĩnh Phúc	8.4	8.9	7.9	7.0	8.09	Giỏi	Đạt	
263	4659010148	Siu Thu	18/9/2005	Nữ	Gia Lai	8.3	7.9	7.3	7.3	7.77	Khá	Đạt	
264	4659010149	Nguyễn Thị Thuận	25/9/2005	Nữ	Gia Lai	7.7	9.0	7.9	7.0	7.88	Khá	Đạt	
265	4659010150	Rah Lan H'	04/9/2005	Nữ	Gia Lai	7.3	8.4	7.9	7.0	7.61	Khá	Đạt	
266	4659010151	Thuyêng	03/4/2005	Nữ	Gia Lai	8.3	8.3	7.1	8.4	8.06	Giỏi	Đạt	
267	4659010152	Y Thuỷên	11/10/2005	Nữ	Kon Tum	7.7	8.1	7.1	5.4	7.14	Khá	Đạt	
268	4659010153	Rcom H'	15/01/2005	Nữ	Gia Lai	8.5	8.3	7.1	6.5	7.70	Khá	Đạt	
269	4659010154	Cao Thị Lê Thuỷ	03/11/2005	Nữ	Bình Định	8.3	8.0	7.1	6.9	7.66	Khá	Đạt	
270	4659010155	Hà Thị Thu Thuỷ	02/6/2005	Nữ	Thừa Thiên - Huế	8.0	7.8	7.1	7.6	7.67	Khá	Đạt	
271	4659010156	Đoàn Anh Thư	03/7/2005	Nữ	Hà Tĩnh	8.0	8.6	8.1	6.3	7.78	Khá	Đạt	
272	4659010157	Nguyễn Ngọc Anh Thư	12/12/2005	Nữ	Bình Định	6.8	7.4	7.5	5.8	6.87	Trung bình	Đạt	
273	4659010158	Hoàng Thị Thương	23/4/2003	Nữ	Cao Bằng	8.3	8.0	7.1	6.6	7.59	Khá	Đạt	
274	4659010159	Huyền Lê Quỳnh Thương	30/6/2005	Nữ	Bình Định	8.3	7.7	7.4	5.1	7.26	Khá	Đạt	
275	4659010160	Lý Thị Hoài Thương	15/01/2005	Nữ	Gia Lai	8.0	8.5	7.3	5.7	7.44	Khá	Đạt	
276	4659010161	Nông Hồng Thương	02/11/2005	Nữ	Cao Bằng	8.5	8.6	6.9	7.9	8.03	Giỏi	Đạt	
277	4659010162	Trần Thị Nhật Thương	02/01/2005	Nữ	Quảng Ngãi	7.6	7.8	7.3	7.6	7.58	Khá	Đạt	
278	4659010163	Trần Thị Thanh Thương	12/3/2005	Nữ	Phú Yên	7.4	8.1	7.3	5.8	7.18	Khá	Đạt	
279	4659010164	Lê Thu Trang	12/9/2005	Nữ	Quảng Ngãi	7.4	6.2	8.0	7.2	7.22	Khá	Đạt	
280	4659010165	Lương Lê Minh Trang	26/9/2005	Nữ	Đắk Lắk	7.4	8.9	7.3	7.6	7.76	Khá	Đạt	
281	4659010167	Phạm Thị Trang	02/4/2004	Nữ	Nghệ An	8.3	7.7	8.4	7.9	8.10	Giỏi	Đạt	
282	4659010169	Vũ Thị Thảo Trang	12/11/2004	Nữ	Gia Lai	9.0	9.1	8.4	8.8	8.84	Giỏi	Đạt	
283	4659010170	Đỗ Đoàn Ngọc Trâm	15/5/2005	Nữ	Quảng Ngãi	8.3	8.6	7.5	8.2	8.17	Giỏi	Đạt	
284	4659010171	Nguyễn Ngọc Trinh	29/8/2005	Nữ	TP Đà Nẵng	8.6	8.1	7.1	7.1	7.82	Khá	Đạt	
285	4659010172	Lê Thuỷ Trúc	27/10/2005	Nữ	Bình Định	7.7	8.0	7.1	7.1	7.50	Khá	Đạt	
286	4659010173	Ksor H' Trương	26/5/2005	Nữ	Gia Lai	8.3	8.0	7.1	6.5	7.57	Khá	Đạt	
287	4659010174	Nguyễn Đoàn Cúc Tuyền	23/12/2005	Nữ	Phú Yên	8.2	8.9	6.9	6.6	7.71	Khá	Đạt	
288	4659010175	Lê Thị Tuyền	27/9/2005	Nữ	Thanh Hoá	8.5	8.9	7.7	6.3	7.92	Khá	Đạt	
289	4659010176	Huyền Hồng Tuyền	07/3/2005	Nữ	Phú Yên	8.0	8.0	7.1	7.2	7.62	Khá	Đạt	
290	4659010177	Y Ánh Tuyết	13/10/2005	Nữ	Kon Tum	8.6	8.1	7.6	6.4	7.78	Khá	Đạt	
291	4659010178	Y Uyên	21/7/2005	Nữ	Kon Tum	8.3	8.0	7.4	5.7	7.46	Khá	Đạt	
292	4659010179	Lý Xuân Uyên	09/9/2005	Nữ	Bình Định	8.3	8.3	8.0	8.1	8.19	Giỏi	Đạt	
293	4659010180	Ngô Thị Thuỷ Uyên	23/6/2005	Nữ	Bình Định	8.3	8.9	7.0	7.5	7.97	Khá	Đạt	
294	4659010182	Nguyễn Thị Phương Uyên	21/8/2005	Nữ	Gia Lai	8.3	7.7	8.0	6.6	7.72	Khá	Đạt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	HP1	HP2	HP3	HP4	ĐTB	Xếp loại	Kết quả xét	Ghi chú
295	4659010183	Phạm Trần Mỹ	22/6/2005	Nữ	Gia Lai	8.3	8.0	7.1	5.7	7.39	Khá	Đạt	
296	4659010184	Quảng Nư Xuân	05/12/2005	Nữ	Ninh Thuận	8.3	8.0	7.4	7.2	7.79	Khá	Đạt	
297	4659010185	Ksor H'	10/12/2004	Nữ	Gia Lai	8.3	7.4	7.1	6.2	7.37	Khá	Đạt	
298	4659010186	Bùi Hải	07/6/2005	Nữ	Nghệ An	8.0	8.3	7.5	7.3	7.80	Khá	Đạt	
299	4659010187	Đinh Thị Bích	14/7/2005	Nữ	Quảng Ngãi	6.5	7.7	7.5	7.9	7.30	Khá	Đạt	
300	4659010188	Kpá Y	09/7/2005	Nữ	Gia Lai	8.3	8.9	8.1	8.2	8.37	Giỏi	Đạt	
301	4659010189	Hồ Chí	12/4/2005	Nam	Nghệ An	7.0	7.0	7.6	8.3	7.42	Khá	Đạt	
302	4659010190	Vô Văn	31/5/2005	Nam	Phú Yên	7.3	6.4	7.5	7.0	7.08	Khá	Đạt	
303	4659010191	Hoàng Thảo	23/8/2005	Nữ	Bình Định	8.3	8.0	7.4	7.5	7.86	Khá	Đạt	
304	4659010192	Huỳnh Thảo	01/10/2005	Nữ	Bình Định	7.4	8.0	8.1	5.8	7.33	Khá	Đạt	
305	4659010193	Lâm Thị Triều	25/12/2005	Nữ	Đắk Nông	7.4	8.0	8.1	7.5	7.71	Khá	Đạt	
306	4659010194	Lê Nguyễn Hiền	22/9/2005	Nữ	Gia Lai	8.3	8.0	7.4	7.2	7.79	Khá	Đạt	
307	4659010195	Lê Võ Nga	05/5/2005	Nữ	Bình Định	8.3	8.0	7.1	7.2	7.72	Khá	Đạt	
308	4659010196	Ksor	04/4/2005	Nữ	Gia Lai	7.7	8.6	7.3	5.8	7.39	Khá	Đạt	
309	4659010197	Y	03/12/2005	Nữ	Kon Tum	8.3	8.0	7.3	5.7	7.43	Khá	Đạt	
310	4659010198	Lương Thị Như	15/12/2005	Nữ	Quảng Ngãi	8.6	8.1	7.1	6.7	7.73	Khá	Đạt	
311	4659020001	Nguyễn Văn	25/6/2005	Nam	Bình Định	7.6	7.0	7.5	6.4	7.18	Khá	Đạt	
312	4659020002	Nguyễn Bùi Mỹ	07/02/2005	Nữ	Bình Định	7.4	7.4	7.9	7.7	7.58	Khá	Đạt	
313	4659020004	Ngô Hà Nhật	10/9/2005	Nam	Bình Định	7.0	7.0	7.5	7.6	7.24	Khá	Đạt	
314	4659020005	Trần Trung	23/5/2005	Nam	Bình Định	7.0	6.4	7.6	7.0	7.00	Khá	Đạt	
315	4659020006	Đinh Hoài	11/12/2005	Nam	Quảng Ngãi	6.7	7.3	7.6	5.7	6.81	Trung bình	Đạt	
316	4659020007	Nguyễn Tuyết	26/11/2005	Nữ	Bình Định	8.3	7.4	9.1	9.4	8.52	Giỏi	Đạt	
317	4659020008	Phạm Hoài	28/5/2005	Nam	Bình Định	7.0	6.3	7.6	5.9	6.73	Trung bình	Đạt	
318	4659020009	Nguyễn Thị Kim	14/5/2005	Nữ	Bình Định	8.1	7.4	8.0	9.1	8.14	Giỏi	Đạt	
319	4659020010	Lê Công	11/7/2005	Nam	Phú Yên	6.9	7.0	7.6	5.7	6.81	Trung bình	Đạt	
320	4659020011	Trương Đức	04/9/2005	Nam	Bình Định	7.3	6.1	7.3	8.2	7.23	Khá	Đạt	
321	4659020012	Trần Nhật	17/9/2005	Nam	Bình Định	7.0	6.4	7.6	7.9	7.20	Khá	Đạt	
322	4659020013	Võ Trọng	22/4/2005	Nam	Bình Định	7.0	7.0	7.6	7.9	7.33	Khá	Đạt	
323	4659020014	Nguyễn Minh	21/11/2005	Nam	Quảng Ngãi	6.9	7.0	7.0	7.6	7.10	Khá	Đạt	
324	4659020015	Ksor	24/02/2005	Nam	Gia Lai	7.0	5.8	7.6	7.6	7.00	Khá	Đạt	
325	4659020016	Phạm Nhật	15/01/2005	Nam	Phú Yên	7.4	7.4	8.3	8.2	7.78	Khá	Đạt	
326	4659020017	Trương Công	04/02/2005	Nam	Phú Yên	7.3	7.0	7.6	7.9	7.43	Khá	Đạt	
327	4659020018	Lê Thanh	12/8/2005	Nữ	Gia Lai	8.4	7.4	8.0	8.9	8.20	Giỏi	Đạt	
328	4659020019	Nguyễn Anh	04/9/2005	Nam	Nghệ An	7.4	6.8	6.9	8.2	7.33	Khá	Đạt	
329	4659020020	Chu Vũ Thuý	10/4/2005	Nữ	Kon Tum	8.1	7.4	8.0	7.5	7.79	Khá	Đạt	
330	4659030001	Ca Thị Mì	28/02/2005	Nữ	Khánh Hoà	7.6	7.3	7.1	6.1	7.09	Khá	Đạt	
331	4659030002	Hà Thị Minh	23/01/2005	Nữ	Thanh Hoá	7.7	7.7	8.0	6.2	7.43	Khá	Đạt	
332	4659030003	Hồ Thị Kim	20/5/2005	Nữ	Bình Định	7.3	8.0	7.1	7.1	7.37	Khá	Đạt	
333	4659030004	Nguyễn Thị Ngọc	15/6/2004	Nữ	Gia Lai	7.6	6.4	7.1	5.3	6.71	Trung bình	Đạt	
334	4659030005	Nguyễn Thị Ngọc	14/12/2004	Nữ	Bình Định	6.3	6.5	7.4	6.5	6.63	Trung bình	Đạt	
335	4659030006	Nay H'	10/5/2005	Nữ	Gia Lai	7.5	7.0	7.1	7.0	7.19	Khá	Đạt	
336	4659030007	Niê Hờ	14/11/2005	Nữ	Phú Yên	7.9	7.1	7.9	8.0	7.74	Khá	Đạt	
337	4659030008	Bui	10/02/2005	Nữ	Kon Tum	7.6	7.0	7.1	8.0	7.44	Khá	Đạt	
338	4659030009	Y	19/10/2005	Nữ	Kon Tum	7.3	7.7	7.9	7.8	7.63	Khá	Đạt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	HP1	HP2	HP3	HP4	ĐTBC	Xếp loại	Kết quả xét	Ghi chú
339	4659030010	Võ Thị Mỹ	05/10/2005	Nữ	Bình Định	7.0	6.4	7.1	6.7	6.82	Trung bình	Đạt	
340	4659030011	Nguyễn Thị Kim	29/4/2005	Nữ	Bình Định	7.4	7.4	8.1	9.0	7.91	Khá	Đạt	
341	4659030012	Trần Thị Huyền	22/9/2005	Nữ	Nam Định	7.0	8.0	7.6	7.7	7.51	Khá	Đạt	
342	4659030013	Ksor H'	11/11/2005	Nữ	Gia Lai	7.0	6.4	7.5	7.1	7.00	Khá	Đạt	
343	4659030014	Trần Mỹ	30/10/2005	Nữ	Bình Định	7.6	7.6	6.5	7.9	7.42	Khá	Đạt	
344	4659030015	Rơ Chăm	09/9/2004	Nữ	Gia Lai	7.6	7.6	7.7	7.7	7.64	Khá	Đạt	
345	4659030016	Puih H'	05/01/2005	Nữ	Gia Lai	8.2	7.0	7.7	8.9	7.98	Khá	Đạt	
346	4659030017	Đinh Thị	24/02/2004	Nữ	Bình Định	7.1	6.9	7.6	8.0	7.37	Khá	Đạt	
347	4659030018	Rmah H'	26/5/2005	Nữ	Gia Lai	7.6	7.6	7.7	7.0	7.49	Khá	Đạt	
348	4659030019	Y Lý	17/10/2005	Nữ	Kon Tum	7.0	7.1	7.3	6.8	7.04	Khá	Đạt	
349	4659030020	Sia H'	14/11/2005	Nữ	Gia Lai	7.0	7.0	7.1	8.7	7.40	Khá	Đạt	
350	4659030022	Y Lý	27/4/2005	Nữ	Kon Tum	6.7	6.9	7.1	6.6	6.81	Trung bình	Đạt	
351	4659030023	Lê Thị Mỹ	23/3/2005	Nữ	Gia Lai	6.4	6.9	7.1	7.5	6.91	Trung bình	Đạt	
352	4659030024	Lê Thu	16/10/2005	Nữ	Gia Lai	7.6	6.4	7.1	5.9	6.84	Trung bình	Đạt	
353	4659030025	Rơ Chăm	23/3/2005	Nữ	Gia Lai	7.6	7.0	7.7	7.1	7.38	Khá	Đạt	
354	4659030027	Dương Thị	19/3/2005	Nữ	Gia Lai	7.6	7.0	7.7	6.9	7.33	Khá	Đạt	
355	4659030028	Phạm Xuân	29/7/2004	Nữ	Bình Định	7.3	6.5	7.7	8.3	7.43	Khá	Đạt	
356	4659030029	Đinh Thị	12/3/2005	Nữ	Gia Lai	7.3	7.3	7.7	5.1	6.90	Trung bình	Đạt	
357	4659030030	Đinh Thị H	14/11/2004	Nữ	Gia Lai	7.0	7.0	7.7	6.9	7.13	Khá	Đạt	
358	4659030031	Kpuh H'	23/5/2005	Nữ	Gia Lai	7.6	7.6	7.7	8.5	7.82	Khá	Đạt	
359	4659030032	Đinh Thị	04/02/2005	Nữ	Gia Lai	7.9	7.9	7.1	7.0	7.52	Khá	Đạt	
360	4659030033	Trương Thị Hồng	19/6/2005	Nữ	Bình Định	7.6	7.6	7.1	5.9	7.11	Khá	Đạt	
361	4659030034	Võ Thương	17/5/2005	Nữ	Gia Lai	7.7	7.7	7.4	8.9	7.90	Khá	Đạt	
362	4659030035	Lê Thị Lê	29/10/2005	Nữ	Đồng Nai	7.0	7.0	6.9	8.5	7.31	Khá	Đạt	
363	4659030036	Y	20/7/2005	Nữ	Kon Tum	7.6	7.0	6.9	9.7	7.78	Khá	Đạt	
364	4659030037	Đàn Thị Linh	08/5/2005	Nữ	Gia Lai	7.0	7.0	7.1	7.7	7.18	Khá	Đạt	
365	4659030039	Kpă H'	05/02/2005	Nữ	Gia Lai	7.0	7.6	7.3	7.5	7.31	Khá	Đạt	
366	4659030040	Chu Thị Ngọc	10/10/2005	Nữ	Gia Lai	6.9	7.0	7.1	5.1	6.57	Trung bình	Đạt	
367	4659030041	H'	27/02/2005	Nữ	Gia Lai	7.5	7.6	6.9	6.9	7.26	Khá	Đạt	
368	4659030042	Tăng Thị Diệu	16/9/2005	Nữ	Phú Yên	6.9	6.4	7.1	6.9	6.83	Trung bình	Đạt	
369	4659030043	Huỳnh Thị Trúc	29/02/2004	Nữ	Phú Yên	7.0	7.0	7.7	7.7	7.31	Khá	Đạt	
370	4659030044	Huỳnh Bảo	12/10/2001	Nữ	Gia Lai	7.0	7.1	7.1	7.5	7.16	Khá	Đạt	
371	4659030045	Y	09/10/2005	Nữ	Kon Tum	7.0	6.5	7.1	7.1	6.93	Trung bình	Đạt	
372	4659030046	Nguyễn Thị	14/4/2005	Nữ	Bình Định	6.7	7.4	7.9	8.6	7.54	Khá	Đạt	
373	4659030047	Phan Thị Ngọc	27/3/2005	Nữ	Bình Định	6.9	7.1	7.9	7.7	7.34	Khá	Đạt	
374	4659030048	Phạm Thị Thuý	24/12/2005	Nữ	Bình Định	7.6	7.7	7.3	7.5	7.53	Khá	Đạt	
375	4659030049	Sia H'	28/3/2005	Nữ	Gia Lai	7.0	7.7	7.0	7.8	7.33	Khá	Đạt	
376	4659030050	Rmah H'	08/9/2004	Nữ	Gia Lai	7.9	7.3	7.5	6.1	7.28	Khá	Đạt	
377	4659030051	Y	19/10/2005	Nữ	Kon Tum	7.3	7.1	7.6	5.9	7.01	Khá	Đạt	
378	4659030052	La Chi	20/10/2005	Nữ	Bình Định	6.9	7.0	8.0	7.7	7.34	Khá	Đạt	
379	4659030054	Lê Thị	04/9/2005	Nữ	Thanh Hoá	7.6	7.0	7.7	8.7	7.73	Khá	Đạt	
380	4659030055	Nguyễn Thị Bích	19/10/2005	Nữ	Bình Định	7.6	7.6	7.7	8.6	7.84	Khá	Đạt	
381	4659030056	Hà Thị Phương	05/8/2005	Nữ	Bình Định	7.7	7.9	7.7	8.3	7.88	Khá	Đạt	
382	4659030057	Rmah R' Ô H'	22/7/2005	Nữ	Gia Lai	7.1	6.7	7.7	5.9	6.88	Trung bình	Đạt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	HP1	HP2	HP3	HP4	ĐTB	Xếp loại	Kết quả xét	Ghi chú
383	4659030058	Đặng Thị Mỹ	26/01/2005	Nữ	Bình Định	7.0	7.0	7.9	8.3	7.49	Khá	Đạt	
384	4659030059	Nguyễn Thị Thủy	28/10/2005	Nữ	Bình Định	6.6	7.0	7.9	6.5	6.96	Trung bình	Đạt	
385	4659030060	Nguyễn Trần Hoàng	17/9/2005	Nữ	Bình Định	7.6	7.0	7.5	7.9	7.51	Khá	Đạt	
386	4659030061	Trần Đỗ Mai	15/7/2005	Nữ	Kiánh Hoà	7.0	6.4	8.0	5.1	6.67	Trung bình	Đạt	
387	4659030062	Rơ O H	25/10/2005	Nữ	Gia Lai	6.4	6.7	7.7	7.8	7.07	Khá	Đạt	
388	4659030063	Nguyễn Thị Mỹ	07/5/2005	Nữ	Bình Định	6.4	7.3	7.6	5.7	6.71	Trung bình	Đạt	
389	4659030064	Y Kim	29/12/2005	Nữ	Kon Tum	6.7	7.2	7.9	8.3	7.43	Khá	Đạt	
390	4659030065	Nguyễn Thị Kim	07/11/2005	Nữ	Bình Định	7.0	6.9	7.9	5.9	6.93	Trung bình	Đạt	
391	4659030066	Trần Bảo Nhã	22/9/2005	Nữ	Bình Định	6.4	6.9	7.6	7.3	6.98	Trung bình	Đạt	
392	4659030067	Trần Thảo	03/4/2005	Nữ	Gia Lai	7.0	7.0	7.7	8.5	7.49	Khá	Đạt	
393	4659030068	Nay H	12/11/2005	Nữ	Gia Lai	7.0	7.5	7.6	8.9	7.67	Khá	Đạt	
394	4659030069	Phan Trinh	14/01/2005	Nữ	Phú Yên	6.5	6.3	7.9	6.3	6.72	Trung bình	Đạt	
395	4659030070	Trình Kiều Hoà	29/7/2005	Nữ	Phú Yên	7.3	6.9	7.0	7.7	7.23	Khá	Đạt	
396	4659030071	Ksor H	29/4/2005	Nữ	Gia Lai	7.6	7.0	7.7	7.6	7.49	Khá	Đạt	
397	4659030073	Y	28/5/2005	Nữ	Kon Tum	7.6	6.4	7.7	7.7	7.38	Khá	Đạt	
398	4659030074	Lê Đỗ Trê	05/8/2005	Nữ	Bình Định	8.0	7.5	7.6	7.7	7.73	Khá	Đạt	
399	4659030075	Nguyễn Thị Yên	16/01/2005	Nữ	Bình Định	6.5	6.0	7.9	8.3	7.10	Khá	Đạt	
400	4659030076	Vi Hoàng Thảo	18/4/2005	Nữ	Gia Lai	7.3	5.8	7.7	6.7	6.92	Trung bình	Đạt	
401	4659030077	Y Hoài	29/9/2005	Nữ	Kon Tum	6.1	7.1	8.0	8.3	7.23	Khá	Đạt	
402	4659030078	Phan Thiê	09/5/2005	Nữ	Bình Định	7.6	7.0	7.7	7.6	7.49	Khá	Đạt	
403	4659030079	Nay H Lin	27/12/2005	Nữ	Gia Lai	7.6	7.0	7.5	7.7	7.47	Khá	Đạt	
404	4659030080	Nay Ly	28/12/2005	Nữ	Gia Lai	7.6	7.0	7.5	6.9	7.29	Khá	Đạt	
405	4659030081	Rmah H Ka	17/12/2005	Nữ	Gia Lai	6.9	6.3	8.0	8.0	7.26	Khá	Đạt	
406	4659030082	Nay H	14/11/2005	Nữ	Gia Lai	6.5	7.1	7.4	6.9	6.92	Trung bình	Đạt	
407	4659030083	Nguyễn Thị Thanh	02/01/2005	Nữ	Hà Tĩnh	7.6	7.0	7.5	8.1	7.56	Khá	Đạt	
408	4659030084	Cao Thị Mỹ	19/8/2005	Nữ	Bình Định	7.0	6.5	8.0	8.9	7.53	Khá	Đạt	
409	4659030085	Nguyễn Thị	20/9/2005	Nữ	Bình Định	7.7	8.0	7.4	8.1	7.79	Khá	Đạt	
410	4659030086	Nguyễn Thị Thanh	02/02/2005	Nữ	Gia Lai	7.6	7.0	7.5	5.1	6.89	Trung bình	Đạt	
411	4659030087	Vô Đặng Kim	28/10/2005	Nữ	Bình Định	7.1	7.7	8.0	7.1	7.43	Khá	Đạt	
412	4659030088	Nguyễn Thị Bích	21/6/2005	Nữ	TP Hồ Chí Minh	7.0	7.0	7.5	6.9	7.09	Khá	Đạt	
413	4659030089	Trần Thị Bảo	10/7/2005	Nữ	Gia Lai	6.9	7.0	8.0	8.5	7.52	Khá	Đạt	
414	4659030090	Nguyễn Ánh	05/11/2005	Nữ	Phú Yên	6.1	7.7	7.4	8.1	7.19	Khá	Đạt	
415	4659030092	Đinh Thị Yên	04/11/2005	Nữ	Bình Định	7.5	7.6	7.5	8.6	7.77	Khá	Đạt	
416	4659030093	Huyền Thị Yên	16/3/2005	Nữ	Bình Định	8.6	8.0	7.5	7.0	7.87	Khá	Đạt	
417	4659030094	Lê Thị Yên	13/4/2005	Nữ	Gia Lai	7.0	7.4	8.6	8.7	7.82	Khá	Đạt	
418	4659030095	Mộc Hoàng	04/8/2005	Nữ	Bình Định	6.9	7.6	7.4	7.7	7.34	Khá	Đạt	
419	4659030096	Trần Thị Yên	08/0/2005	Nữ	Bình Định	7.6	7.6	6.9	8.0	7.53	Khá	Đạt	
420	4659030097	R Com H	16/4/2005	Nữ	Gia Lai	7.6	7.0	7.7	8.0	7.58	Khá	Đạt	
421	4659030098	Nguyễn Thị Tuyết	10/5/2005	Nữ	Phú Yên	7.0	7.0	7.4	6.5	6.98	Trung bình	Đạt	
422	4659030100	Lê Thị Quỳnh	29/7/2005	Nữ	Bình Định	7.6	7.0	7.5	7.6	7.44	Khá	Đạt	
423	4659030101	Nguyễn Ai	20/2/2005	Nữ	Bình Định	6.7	7.0	8.0	8.1	7.37	Khá	Đạt	
424	4659030102	Nguyễn Thuý	10/01/2003	Nữ	Bình Định	6.1	7.1	7.1	7.5	6.86	Trung bình	Đạt	
425	4659030103	Ksor H	07/0/2005	Nữ	Dăk Lak	7.6	7.0	7.7	6.4	7.22	Khá	Đạt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	HP1	HP2	HP3	HP4	DTBC	Xếp loại	Kết quả xét	Ghi chú
426	4659030104	Nguyễn Lê Xuân	03/02/2005	Nữ	Bình Định	6,6	6,7	7,1	5,7	6,53	Trung bình	Đạt	
427	4659030105	Lê Thị Hồng	08/11/2005	Nữ	Kon Tum	7,6	7,0	7,7	7,6	7,49	Khá	Đạt	
428	4659030106	Nguyễn Thị	04/8/2005	Nữ	Phú Yên	7,1	6,7	7,1	6,9	6,97	Trung bình	Đạt	
429	4659030107	Kpuih	21/8/2004	Nữ	Gia Lai	6,6	7,0	7,7	6,9	7,00	Khá	Đạt	
430	4659030108	Y Như	28/10/2005	Nữ	Kon Tum	6,9	6,1	7,7	7,7	7,08	Khá	Đạt	
431	4659030109	Nguyễn Thị	28/12/2005	Nữ	Bình Định	6,1	7,0	8,0	7,1	6,94	Trung bình	Đạt	
432	4659030110	Niê H	12/12/2005	Nữ	Đắk Lắk	7,6	7,0	7,7	5,1	6,93	Trung bình	Đạt	
433	4659030111	Bình Thị	25/8/2005	Nữ	Gia Lai	7,6	7,0	7,7	6,9	7,33	Khá	Đạt	
434	4659030112	Bình Thị	20/11/2005	Nữ	Bình Định	7,0	6,3	7,4	7,1	6,96	Trung bình	Đạt	
435	4659030113	Rơ Chăm	02/11/2005	Nữ	Kon Tum	7,3	6,0	7,7	5,7	6,74	Trung bình	Đạt	
436	4659030114	Nguyễn Thị Minh	07/02/2005	Nữ	Bình Định	7,0	6,3	7,7	6,2	6,82	Trung bình	Đạt	
437	4659030115	Nguyễn Ngọc Vi	23/6/2004	Nữ	Phú Yên	7,3	6,9	7,4	5,7	6,88	Trung bình	Đạt	
438	4659030116	Y	02/5/2005	Nữ	Kon Tum	6,3	6,0	8,0	9,3	7,28	Khá	Đạt	
439	4659030117	Bình Thị	18/5/2004	Nữ	Gia Lai	7,3	7,0	7,6	8,9	7,66	Khá	Đạt	
440	4659030118	Nguyễn Thị Bích	10/9/2005	Nữ	Bình Định	7,4	7,0	7,6	8,1	7,51	Khá	Đạt	
441	4659030119	Võ Thị	22/5/2004	Nữ	Quảng Ngãi	7,7	7,3	8,0	8,9	7,94	Khá	Đạt	
442	4659030120	Lê Thạch Cẩm Anh	30/6/2005	Nữ	Phú Yên	7,0	7,0	8,0	9,0	7,67	Khá	Đạt	
443	4659030121	Nguyễn Hoàng Anh	06/9/2005	Nữ	Gia Lai	7,5	7,9	7,3	5,7	7,14	Khá	Đạt	
444	4659030122	Võ Nguyễn Anh	28/5/2005	Nữ	Bình Định	7,0	7,3	7,9	7,9	7,47	Khá	Đạt	
445	4659030123	Nguyễn Anh	05/9/2005	Nữ	Phú Yên	8,1	7,3	7,0	7,2	7,48	Khá	Đạt	
446	4659030124	Vũ Thị	05/8/2005	Nữ	Gia Lai	6,9	6,4	7,6	6,9	6,94	Trung bình	Đạt	
447	4659030126	Cù Thị Thu	19/6/2005	Nữ	Bình Định	7,0	7,0	7,7	6,7	7,09	Khá	Đạt	
448	4659030127	Huyền Đào Huyền	16/11/2005	Nữ	Bình Định	7,3	7,5	8,0	7,7	7,59	Khá	Đạt	
449	4659030128	Ksor H'	08/01/2005	Nữ	Gia Lai	7,4	7,0	8,0	8,0	7,58	Khá	Đạt	
450	4659030129	Rơ Chăm	10/7/2005	Nữ	Gia Lai	7,1	7,0	7,0	7,1	7,06	Khá	Đạt	
451	4659030130	Vũ Quỳnh	06/02/2005	Nữ	Bình Định	6,9	7,0	8,0	7,7	7,34	Khá	Đạt	
452	4659030131	Ksor H'	01/9/2005	Nữ	Gia Lai	7,1	6,4	7,9	5,7	6,81	Trung bình	Đạt	
453	4659030132	Lê Đình Quỳnh	01/10/2005	Nữ	Ninh Thuận	6,7	7,9	8,0	6,3	7,17	Khá	Đạt	
454	4659030133	Nay H'	30/8/2005	Nữ	Gia Lai	7,1	7,0	7,6	6,9	7,14	Khá	Đạt	
455	4659030134	Nguyễn Việt Kiều	26/7/2005	Nữ	Bình Định	7,4	7,6	7,4	6,3	7,20	Khá	Đạt	
456	4659030135	Trần Thị Ngọc	22/4/2005	Nữ	Bình Định	7,3	6,7	7,4	6,5	7,01	Khá	Đạt	
457	4659030136	Nguyễn Ngọc Bảo	27/02/2004	Nữ	Phú Yên	7,0	7,0	7,1	5,3	6,64	Trung bình	Đạt	
458	4659030137	Lý Thị Mỹ	14/5/2005	Nữ	Bình Định	6,4	7,0	7,4	8,3	7,18	Khá	Đạt	
459	4659030138	Nguyễn Thái Ngọc	30/11/2005	Nữ	Bình Định	6,1	7,0	7,4	6,3	6,63	Trung bình	Đạt	
460	4659030139	Nguyễn Thị Lan	08/02/2004	Nữ	Bình Định	6,7	7,6	8,0	7,5	7,37	Khá	Đạt	
461	4659030140	Lê Thị Quỳnh	04/9/2005	Nữ	Gia Lai	7,0	7,0	7,9	5,9	6,96	Trung bình	Đạt	
462	4659030141	Y Thanh	12/4/2005	Nữ	Kon Tum	7,5	8,3	7,4	6,6	7,46	Khá	Đạt	
463	4659030142	Nguyễn Anh	09/9/2005	Nữ	Bình Định	7,6	7,0	7,7	7,6	7,49	Khá	Đạt	
464	4659030143	Nguyễn Huỳnh Cẩm	14/9/2005	Nữ	Bình Định	7,9	7,3	7,7	7,6	7,66	Khá	Đạt	
465	4659030144	Võ Thanh	22/9/2005	Nữ	Gia Lai	6,9	6,3	8,0	7,7	7,19	Khá	Đạt	
466	4659030145	Nguyễn Thị	11/01/2005	Nữ	Kon Tum	6,4	7,2	8,0	7,7	7,22	Khá	Đạt	
467	4659030146	Ngô Huỳnh Phương	10/7/2005	Nữ	Gia Lai	6,7	5,8	7,6	6,3	6,61	Trung bình	Đạt	
468	4659030147	Ksor H'	07/02/2005	Nữ	Gia Lai	7,1	6,7	7,9	8,6	7,52	Khá	Đạt	
469	4659030148	Trần Thị Khánh	15/3/2005	Nữ	Gia Lai	7,0	6,5	7,0	9,0	7,33	Khá	Đạt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	HP1	HP2	HP3	HP4	DTBC	Xếp loại	Kết quả xét	Ghi chú
470	4659030149	Cao Hà	17/8/2005	Nữ	Bình Định	7.0	7.7	7.4	6.5	7.13	Khá	Đạt	
471	4659030150	Ksor H'	04/7/2005	Nữ	Gia Lai	7.0	7.7	7.6	6.6	7.20	Khá	Đạt	
472	4659030151	Trần Hà	24/4/2005	Nữ	Bình Định	6.7	7.1	7.4	8.0	7.23	Khá	Đạt	
473	4659030152	Nguyễn Thị Yến	14/10/2005	Nữ	Gia Lai	7.0	7.4	7.0	9.0	7.53	Khá	Đạt	
474	4659030153	Hồ Thị	07/11/2005	Nữ	Bình Định	7.3	7.4	7.4	8.6	7.63	Khá	Đạt	
475	4659030154	Đinh Trần Kim	25/01/2005	Nữ	Bình Định	7.0	7.4	7.4	7.1	7.20	Khá	Đạt	
476	4659030155	Bùi Như	20/5/2005	Nữ	Bình Định	8.3	8.6	7.4	6.6	7.79	Khá	Đạt	
477	4659030156	Đỗ Thị Như	14/4/2005	Nữ	Bình Định	7.3	7.1	7.9	7.7	7.48	Khá	Đạt	
478	4659030157	Võ Thị Như	13/5/2005	Nữ	Bình Định	7.0	7.1	7.9	8.3	7.51	Khá	Đạt	

Số sinh viên đạt: 478; Số sinh viên không đạt: 0

Bình Định, ngày 26 tháng 3 năm 2025

NGƯỜI LẬP BẢNG

PHÒNG ĐT&QLSV
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

TRƯỞNG KHOA

GIÁM ĐỐC

CN. Lê Văn Lợi

CN. Trần Thế Hưng

ThS. Nguyễn Thanh Ngọc



PGS.TS Đoàn Đức Tùng